

Bản án số: 03/2024/LĐ-PT
Ngày: 27 - 8 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Xuân Hải.

Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-LĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 149/2024/QĐXXPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hồ Tư H, sinh năm 1966; trú tại: Số B đường T, phường B, thị xã A, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Đào Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nhân T3. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu N, chức vụ: Cán bộ phụ trách kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân T3 (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2015). (có mặt)

Địa chỉ trụ sở: Lô B - B đường số A, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn C; trú tại: Xóm S, thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.
(vắng mặt)
 2. Ông Nguyễn Văn K; trú tại: Xóm S, thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.
(vắng mặt)
 3. Ông Nguyễn Kim N1; trú tại: Xóm S, thôn C, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.
(vắng mặt)
 4. Ông Hồ Văn P; trú tại: Số B đường N, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định.
(có mặt)
 5. Ông Nguyễn Văn T1; trú tại: Lô B - B đường số A, Khu Công nghiệp P, phường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (có mặt)
 6. Ông Võ Xuân B; trú tại: Số I đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)
- *Người kháng cáo:* Ông Hồ Tứ H1 là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hồ Tư H, trình bày:

Ngày 19/12/2008 ông và bà Đào Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T3 có thỏa thuận lập biên bản ghi nhớ pháp lý với nội dung ông làm chức vụ Phó giám đốc cho T3, bà Đào Thị T - Chủ T3 đồng ý trả mức lương lao động cho ông từ ngày 19/12/2008 đến khi thanh lý hợp đồng lao động là 5.000.000đ/tháng nhưng với thỏa thuận nợ lương hàng tháng và hàng năm cho đến khi T3 hết khó khăn và đi vào hoạt động chính. Đến ngày 02/01/2013 bà Đào Thị T - Chủ T3 và ông có thỏa thuận lập hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013 và phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013. Theo hợp đồng lao động trên có thời hạn lao động từ ngày 02/01/2013 cho đến ngày 31/12/2013 với chức vụ Phó giám đốc và mức lương là 9.000.000đ/tháng. Và theo phụ lục hợp đồng ngày 16/5/2013 bà T cam kết thực hiện chi trả hết tiền lương còn nợ ông từ ngày 19/12/2008 cho đến ngày 31/12/2012. Ông làm việc tại T3 đến hết ngày 15/7/2013 thì nghỉ, ông đã nhiều lần yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ DNTN Thiên Phú trả tiền lương còn nợ ông từ ngày 19/12/2008 cho đến ngày 15/7/2013 và các chế độ bảo hiểm xã hội cho ông nhưng không được bà T chấp nhận.

Ông khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải trả cho ông số tiền lương còn nợ là: 300.500.000đ (trong đó nợ lương từ ngày 19/12/2008 đến ngày 31/12/2012 là: 5.000.000đ x 48 tháng 12 ngày = 242.000.000đ, và nợ lương từ ngày 02/01/2013 đến ngày 15/7/2013 là 6 tháng 15 ngày là: 9.000.000đ x 6 tháng 15 ngày = 58.500.000đ) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 20/02/2020; và yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa sơ thẩm ông H yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải có nghĩa vụ trả cho ông tổng cộng là 600.000.000đ bao gồm tiền lương và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn bà Đào Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T3 và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Võ Thị Thu N thống nhất trình bày:

Ông Hồ Tư H vào làm việc cho Doanh nghiệp tư nhân T3 từ ngày 19/12/2008 cho đến ngày 28/6/2013 thì ông Hồ Tư H tự ý nghỉ việc không làm cho T3 nữa. Từ lúc ông Hồ Tư H bắt đầu làm việc cho đến khi ông H nghỉ việc, T3 đã chi trả lương đầy đủ cho ông H. Hiện T3 không nợ lương của ông H vì khi ông H nhận lương của T3 có bảng thanh toán nhận lương và phụ cấp từ bộ phận kế toán mà T3 đã cung cấp bản sao cho Tòa án về hợp đồng lao động và các bảng nhận lương của ông H. Nên Doanh nghiệp tư nhân T3 không đồng ý bất kỳ yêu cầu nào của ông Hồ Tư H vì T3 đã trả tiền lương đầy đủ cho ông H. Tại phiên phúc thẩm bà Đào Thị T2 trình bày bổ sung, T3 thành lập trên cơ sở là những người thân quen, theo quy định Doanh nghiệp tư nhân không có chức danh Phó giám đốc nhưng vì dễ quản lý nên tự phong cho ông H là phó giám đốc doanh nghiệp, hàng tháng theo đề xuất chi lương của ông H thì doanh nghiệp đưa toàn bộ lương cho ông H phát lương cho nhân viên và trong đó có lương của ông H, việc phát lương cho nhân viên có lúc ông H ghi vào sổ tay cá nhân ông H có lúc ông H lập bảng lương giao nhân viên ký nên ông H chỉ nhận lương là không có cơ sở. Hiện nay các chứng từ giao nhận lương nhân viên ông H giữ không đưa lại cho doanh nghiệp.

Người làm chứng:

1. Ông Hồ Văn P, trình bày:

Ông có làm việc tại T3, hiện nay ông không còn làm việc tại T3, ông không nhớ làm việc từ thời gian nào đến thời gian nào, ông Hồ Tư H là bà con xa của ông, ông H là Phó giám đốc điều hành doanh nghiệp, là người giới thiệu ông vào làm việc tại Doanh nghiệp T3 ông làm kỹ thuật san ủi mặt bằng, lương mỗi tháng 3.000.000đ. Ông nhận lương theo hình thức nhận trực tiếp từ ông H vào cuối tháng và ông ký vào sổ tay của ông Hồ Tư H nên ông khẳng định các chữ ký trên bản lương không phải là do ông ký.

2. Ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Kim N1 Tòa án cấp sơ thẩm đã đến nhà làm việc nhưng ông C1, ông N1 đã đi làm ăn xa.

3. Ông Nguyễn Văn K, trình bày: Làm bảo vệ tại Doanh nghiệp T3, làm khoản 01 đến 02 năm thì xin nghỉ không còn làm việc tại doanh nghiệp, khi còn làm việc thì ông Hồ Tư H là phó giám đốc doanh nghiệp. Ông là tổ trưởng tổ bảo vệ mức lương hàng tháng khoản từ 1.300.000đ đến 1.500.000đ, hàng tháng ông đều nhận lương đầy đủ chữ ký trong bảng thanh toán tiền lương năm 2008 và 2009 là của ông.

Tại bản án lao động sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q quyết định:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Tư H yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T3 phải trả cho ông số tiền lương còn nợ và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử tổng cộng là 600.000.000đ và yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí giám định hết 5.050.000đ bà Đào Thị T đã tạm ứng: Ông Hồ Tư H có nghĩa vụ hoàn trả lại 5.050.000đ cho bà Đào Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T3.

Ngoài ra, bản án lao động sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/4/2024 ông Hồ Tư H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Kết quả giám định các tài liệu ông H cung cấp gồm Biên bản ghi nhớ pháp lý ngày 19/12/2008, Hợp đồng lao động 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013 và phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013 không phải do bà T ký. Tuy nhiên, ông H yêu cầu giám định chữ ký của ông H trong các bảng lương năm 2008 và 2009 do bị đơn cung cấp cho Tòa. Do đó đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ Điều 304 BLTTDS, điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS cho tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ thì mới có thể giải quyết được vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng ông Nguyễn Văn C2, Nguyễn Văn K, Nguyễn Kim N1, Võ Xuân B, nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Hồ Tư H, HĐXX nhận thấy:

Theo ông Hồ Tư H Ngày 19/12/2008, giữa ông Hồ Tư H và bà Đào Thị T chủ T3 có ký Biên bản ghi nhớ pháp lý với nội dung ông H làm việc tại T3 chức vụ Phó giám đốc điều hành, thời hạn kê từ ngày 19/12/2008 đến khi kết thúc và thanh lý hợp đồng lao động, mức lương 5.000.000đ/tháng. Sau đó, giữa ông H và bà Đào Thị T - Chủ T3 ký hợp đồng lao động số 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013 và phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013. Theo hợp đồng lao động trên có thời hạn từ ngày 02/01/2013 cho đến ngày 31/12/2013 với chức vụ Phó giám đốc và

mức lương là 9.000.000đ/tháng. Đồng thời, theo phụ lục hợp đồng ngày 16/5/2013 bà T cam kết thực hiện chi trả hết tiền lương còn nợ ông H từ ngày 19/12/2008 cho đến ngày 31/12/2012. Ông H làm việc tại T3 đến hết ngày 15/7/2013 thì nghỉ việc nhưng bà T chưa trả nợ lương cho ông H. Do đó ông H khởi kiện yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải trả cho ông số tiền lương còn nợ và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 600.000.000đ (trong đó nợ lương từ ngày 19/12/2008 đến ngày 31/12/2012 là: 5.000.000đ x 48 tháng 12 ngày = 242.000.000đ, và nợ lương từ ngày 02/01/2013 đến ngày 15/7/2013 là 6 tháng 15 ngày là: 9.000.000đ x 6 tháng 15 ngày = 58.500.000đ, còn lại là tiền lãi); ngoài ra ông H còn yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông theo quy định của pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông H cung cấp bản gốc Biên bản ghi nhớ pháp lý ngày 19/12/2008, Hợp đồng lao động 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013 và phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013, Quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc điều hành ngày 01/12/2008 vì trên Biên bản ghi nhớ pháp lý ngày 19/12/2008, Hợp đồng lao động 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013 và phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013 có ghi thỏa thuận nợ lương của ông H.

Nhưng bà T cho rằng chữ ký của bà trên các tài liệu do ông H cung cấp là giả không phải chữ ký của bà, doanh nghiệp đã trả lương đầy đủ cho ông H từ khi ông H vào làm việc cho doanh nghiệp đến khi ông H tự ý nghỉ việc, vì ông H là Phó giám đốc doanh nghiệp (tự phong không có quyết định bổ nhiệm mục đích để ông H thuận lợi thay mặt bà T quản lý doanh nghiệp) nên hàng tháng theo đề xuất chi lương của ông H thì doanh nghiệp đưa toàn bộ lương cho ông H phát lương cho nhân viên và trong đó có lương của ông H, việc phát lương cho nhân viên có lúc ông H ghi vào sổ tay cá nhân ông H mà chưa cung cấp lại cho doanh nghiệp.

Tòa án đã tổ chức giám định hai lần kết quả tại kết luận giám định số 34/C09C-DD ngày 08/01/2021 của V tại thành phố Đ và tại kết luận giám định số 337/C09-P5 ngày 17/12/2021 của V Bộ C3 đều xác định chữ ký trên Biên bản ghi nhớ pháp lý ngày 19/12/2008, Hợp đồng lao động 01/HĐLĐ-TP ngày 02/01/2013, phụ lục hợp đồng lao động số 02-PLHĐLĐ-TP ngày 16/5/2013 và Quyết định bổ nhiệm Phó giám đốc điều hành ngày 01/12/2008 không phải chữ ký của bà Đào Thị T nên các tài liệu chứng cứ ông H đưa ra để chứng minh Doanh nghiệp còn nợ tiền lương ông là không có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hồ Tư H không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng.

Xét lời khai người làm chứng do ông H yêu cầu, ông Nguyễn Văn K là tổ trưởng tổ bảo vệ mức lương hàng tháng khoản từ 1.300.000đ đến 1.500.000đ, hàng tháng ông K đều nhận lương đầy đủ và ký vào bảng thanh toán tiền lương năm 2008 và 2009; Người làm chứng ông Hồ Văn P xác định ông P và ông H có quan hệ họ

hàng với nhau, ông H là Phó giám đốc điều hành doanh nghiệp, là người giới thiệu ông P vào làm việc tại Doanh nghiệp T3, ông P làm kỹ thuật san ủi mặt bằng, lương mỗi tháng 3.000.000đ, ông P nhận lương theo hình thức nhận trực tiếp từ ông H vào cuối tháng và ông P ký vào sổ tay của ông H nên ông khẳng định các chữ ký trên bản lương không phải là do ông ký; Người làm chứng ông Nguyễn Văn T1 tại phiên tòa phúc thẩm khẳng định trước đây ông T1 là phó giám đốc doanh nghiệp và ông H cũng là phó giám đốc, ông H là người trực tiếp phát lương cho nhân viên trong doanh nghiệp trong đó có phần lương của ông H. Xét thấy lời khai của các nhân chứng là phù hợp với lời khai của bà T - Chủ DNTN Thiên P1 là hàng tháng doanh nghiệp đều giao tiền lương cho ông H đi phát cho nhân viên trong đó có phần ông H và lúc phát lương ông H chuẩn bị bảng lương cho nhân viên ký và cũng có lúc ông H chỉ ghi vào sổ tay của ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H yêu cầu giám định tất cả các chữ ký của nhân viên doanh nghiệp trên bảng lương năm 2008 và 2009 do bị đơn cung cấp cho tòa. HĐXX xét thấy các chứng cứ do ông H cung cấp để khởi kiện doanh nghiệp còn nợ lương ông H đã được Tòa án đưa đi giám định hai lần và kết quả giám định xác định chữ ký trên các chứng cứ này không phải của bà Đào Thị T - Chủ T3, đồng thời lời khai của các nhân chứng xác nhận ông H là người phát lương cho doanh nghiệp như nhận định nêu trên là đủ cơ sở để HĐXX bác đơn khởi kiện của ông Hồ Tư H mà không cần thiết phải ngừng phiên tòa để giám định theo yêu cầu của ông Hồ Tư H.

[3] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hồ Tư H kháng cáo nhưng không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ mới nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là đúng. Do đó HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Q là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Tư H được miễn nộp theo Điều 11 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/12/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[5] Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ Điều 304 BLTTDS, điểm c khoản 1 Điều 259 BLTTDS cho tạm ngừng phiên tòa để xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 15, 16 Bộ luật Lao động;

Căn cứ vào Điều 11 của pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hồ Tư H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định

2. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Hồ Tư H yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ doanh nghiệp tư nhân T3 phải trả cho ông số tiền lương còn nợ và tiền lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm tổng cộng là 600.000.000đ và yêu cầu bà Đào Thị T - Chủ T3 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho ông H theo quy định của pháp luật.

3. Những quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hồ Tư H được miễn nộp.

5. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thành phố Q;
- CCTHADS thành phố Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Minh Dũng